

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2015/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 12 năm 2015

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Thông qua Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020;

Căn cứ Thông tư 05/2008/TT-BNN ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 61/2005/QĐ-BNN ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Bản quy định về tiêu chí phân cấp rừng phòng hộ;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi một số nội dung tại Điều 1 Nghị Quyết số 18/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Thông qua Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Thông qua Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi nội dung điểm a, điểm b, điểm d, điểm e điểm g khoản 1 Điều 1 như sau:

a) Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp đến năm 2020:

(ĐVT: ha)

TT	Hạng mục	Đến năm 2020
----	----------	--------------

I	Tổng diện tích đất lâm nghiệp	285.273,58
1	Rừng trồng	
	Trong đó: Trồng mới	15.362,00
	Trồng lại rừng sau khai thác	47.904,00
2	Đất chưa có rừng	23.780,86

Quy hoạch đất lâm nghiệp theo 2 loại rừng:

(ĐVT: ha)

Quy hoạch theo chức năng	Giai đoạn: 2016-2020
<b>Tổng</b>	<b>285.273,58</b>
- Rừng phòng hộ	126.183,82
- Rừng sản xuất	159.089,76

b) Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2020:

- Khoán quản lý bảo vệ rừng: (ĐVT: ha/năm)

Giai đoạn	Tổng diện tích	Phòng hộ	Sản xuất
Tổng 2011-2020	186.811	166.223	20.588

- Trồng và chăm sóc rừng (ĐVT: ha)

+ Trồng rừng tập trung:

Giai đoạn	Tổng diện tích	Phòng hộ	Sản xuất
<b>Tổng giai đoạn 2011-2020</b>	<b>119.940</b>	<b>5.983</b>	<b>113.957</b>
- Trồng mới	39.288	5.983	33.305
- Trồng lại sau khai thác	80.652	-	80.652

+ Trồng cây phân tán: Giai đoạn 2011- 2020: 16.509 ngàn cây

c) Khai thác:

- Lâm sản ngoài gỗ: Song mây 4.360 tấn; đót 5.905 tấn; tre nứa 6.003 ngàn cây.

d) Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ lâm nghiệp: Xây dựng giếng nước tưới  
âm 01 giếng

e) Cấp chứng chỉ rừng: Giai đoạn 2011- 2020: 12.871ha

2. Bãi bỏ chỉ tiêu “Trồng bổ sung mật độ giai đoạn 2011-2015: 2.098 ha” tại điểm b khoản 1 Điều 1.

3. Sửa đổi nội dung khoản 2 Điều 1 như sau:

Khái toán vốn đầu tư: Tổng kinh phí là 4.539.193 triệu đồng; trong đó: Ngân sách nhà nước là 518.781 triệu đồng, vốn ODA là 601.392 triệu đồng, vốn vay tín dụng là

903.317 triệu đồng, vốn tự có là 2.489.298 triệu đồng, vốn dịch vụ môi trường rừng là 26.405 triệu đồng.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khoá XI thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2015, tại kỳ họp lần thứ 18./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Viết Chữ**